TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11.8.2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P - sinh năm 1973, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V - sinh năm 1971; (*Vắng mặt, không có lý do*).

Cùng nơi cư trú: K109/H85/11 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22 tháng 3 năm 2023, Bản tự khai ngày 06 tháng 6 năm 2023 và tại phiên toà, nguyên đơn - bà Lê Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức V tự nguyện kết hôn năm 1998; có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, bà và ông V chung sống ở nhà của mẹ ông V tại phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; được một thời gian thì chuyển về sống tại đường Nguyễn Khuyến, quận L; khoảng 7- 8 năm nay thì chuyển về sống tại

K109/H85/11 P, H, quận L. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng năm 2017. Nguyên nhân là do ông V không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu say về đánh đập bà. Nay, bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông V có 03 (*Ba*) con chung là Nguyễn Đức H - Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1995, Nguyễn Thị Thu T - Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1997 và Nguyễn Đức Ý Quý T - sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Quý T và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con Quý T.

Các con chung Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Thu T đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông V có tài sản chung, nhưng yêu cầu giải quyết; không nợ ai và không ai nợ bà và ông V.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Đức V không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông V vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông V; căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Đức Ý Quý T - sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con. Bà P và ông V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Đoàn Quang V, nhưng tại phiên tòa ông V vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Đức V đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà P và ông V là hợp pháp.

[*2.1*] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông V, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông V không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà P. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong

quá trình chung sống, giữa bà P và ông V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng năm 2017. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do ông V không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu say về đánh đập bà. Việc ông V không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông V không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P đối với ông V, xử cho bà P được ly hôn với ông V.

[*2.2*] Về quan hệ nuôi con chung*:* Bà P và ông V có 03 (*Ba*) con chung là Nguyễn Đức H - Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1995, Nguyễn Thị Thu T - Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1997 và Nguyễn Đức Ý Quý T - sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Quý T.

Xét, ông V không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, con chung Nguyễn Đức Ý Quý T có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, xử giao con chung Quý T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà P không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung Quý T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Các con chung Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Thu T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông V nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị P đối với ông Nguyễn Đức V về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà P được ly hôn với ông V.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn Đức Ý Quý T - sinh ngày 25 tháng 12 năm 2007 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Các các chung Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Thu T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông V.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Lê Thị P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0007882 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS. quận .Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy